

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1128/QĐ-UBND

An Giang, ngày 03 tháng 6 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

BAN HÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013 THỰC HIỆN ĐỀ ÁN "NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2012-2015 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020"

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Chỉ thị số 10/2012/CT-UBND ngày 09/7/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường các biện pháp cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án "Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2015 và định hướng đến năm 2020"

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 303/TTr-SKHĐT ngày 30/5/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch năm 2013 thực hiện Đề án Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp của tỉnh An Giang giai đoạn 2012-2015 và định hướng năm 2020".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ TNB (để báo cáo);
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- VCCI Việt Nam, VCCI Chi nhánh Cần Thơ;
- Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website An Giang;
- TT. Công báo;
- Lưu: VT, các Phòng - TT

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Thế Năng

KẾ HOẠCH NĂM 2013

**ĐỀ ÁN "NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH TỈNH AN GIANG GIAI ĐOẠN 2012-2015
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 03/6 /2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH (PCI) CỦA TỈNH AN GIANG NĂM 2012

I. KẾT QUẢ CHUNG:

Trong năm 2012, theo công bố của Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), An Giang đạt 63,42 điểm (tăng 1,2 điểm), xếp thứ 02/63, tỉnh, thành phố, tăng 17 bậc so với năm 2011 **thuộc nhóm nhóm điều hành "Tốt" và ổn định nhiều năm liền**, đặc biệt năm 2012 không có tỉnh, thành phố nào đạt nhóm điều hành "Rất Tốt". Kết quả đánh giá cho thấy đây thực sự là một sự nỗ lực rất lớn của lãnh đạo tỉnh, của các cấp, các ngành trong thời gian qua. So với 13 tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long, chỉ số cạnh tranh PCI của tỉnh An Giang đứng thứ 2 chỉ sau tỉnh Đồng Tháp (63,79 điểm).

Trong 9 chỉ số thành phần của PCI, chỉ có **04 chỉ số thành phần đã cải thiện được vị trí đáng kể** gồm:

- Chỉ số *Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất* đạt 7,78 điểm (tăng 1,53 điểm), xếp thứ 05/63 tỉnh, thành tăng 33 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 03/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng 06 bậc.

- Chỉ số *Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin* đạt 6,13 điểm (tăng 0,51 điểm), xếp thứ 17/63 tỉnh, thành tăng 27 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 06/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng 03 bậc.

- Chỉ số *Chi phí không chính thức* đạt 7,02 điểm (tăng 0,26 điểm), xếp thứ 19/63 tỉnh, thành tăng 15 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 07/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng 03 bậc.

- Chỉ số *Đào tạo lao động* đạt 5,21 điểm (tăng 1,20 điểm), xếp thứ 22/63 tỉnh, thành tăng 36 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 03/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng 08 bậc.

Có 02 chỉ số thành phần giảm điểm nhưng tăng bậc vị trí xếp hạng, gồm:

- Chỉ số *Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp* đạt 4,91 điểm (giảm 0,23 điểm), xếp thứ 05/63 tỉnh, thành không tăng với năm 2011 và xếp thứ 01/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long tăng 01 bậc.

- Chỉ số *Thiết chế pháp lý* đạt 3,67 điểm (giảm 1,17 điểm), xếp thứ 30/63 tỉnh, thành tăng 23 bậc với năm 2011 và xếp thứ 10/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long giảm 02 bậc.

Có 03 chỉ số thành phần giảm điểm và giảm bậc vị trí xếp hạng, gồm:

- Chỉ số *Chi phí gia nhập thị trường* đạt 9,00 điểm (giảm 0,13 điểm), xếp thứ 24/63 tỉnh, thành giảm 17 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 05/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long giảm 03 bậc.

- Chỉ số *Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước* đạt 6,75 điểm (giảm 1,11 điểm), xếp thứ 11/63 tỉnh, thành giảm 02 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 07/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long giảm 03 bậc.

- Chỉ số *Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo* đạt 6,42 điểm (giảm 0,30 điểm), xếp thứ 10/63 tỉnh, thành giảm 04 bậc so với năm 2011 và xếp thứ 08/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long giảm 05 bậc.

Bảng: VỊ TRÍ PCI CỦA TỈNH AN GIANG QUA CÁC NĂM

STT	Các chỉ số thành phần	So cả nước (63 tỉnh/TP)	So Khu vực ĐBSCL	So vùng kinh tế trọng điểm ĐBSCL
-----	-----------------------	----------------------------	---------------------	--

		2010	2011	2012	2010	2011	2012	2010	2011	2012
	PCI tổng hợp	14/63	19/63	02/63	6/13	5/13	2/13	2/4	2/4	1/4
1	Chi phí gia nhập thị trường	22	7	24	6	2	5	2	1	3
2	Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	4	38	5	3	9	3	1	2	2
3	Tính minh bạch	11	44	17	2	9	6	1	3	2
4	Chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước	33	9	11	7	4	7	2	2	3
5	Chi phí không chính thức	33	34	19	11	10	7	4	3	2
6	Tính năng động, tiên phong của lãnh đạo tỉnh	7	6	10	3	2	8	1	1	1
7	Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp	48	5	5	3	2	1	3	2	1
8	Đào tạo lao động	19	58	22	1	11	3	2	4	1
9	Thiết chế pháp lý	47	53	30	9	12	10	3	4	4

II. NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN:

1. Chỉ số Đào tạo lao động, cải thiện nhanh, xếp thứ 22/63 tỉnh, thành tăng 36 bậc.

Trong đó, một số chỉ tiêu thành phần **cải thiện đáng kể** gồm:

- 27,27% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân, trong khi năm 2011 chỉ có 10,87%.
- Doanh nghiệp cho rằng, "Số lao động tốt nghiệp THCS trên tổng lực lượng lao động của tỉnh" chỉ chiếm 4,61%, trong khi năm 2011 chỉ có 0,03%.
- Có 98,75% doanh nghiệp hài lòng với chất lượng lao động, trong khi năm 2011 chỉ có 52,50%.
- Có 78,65% doanh nghiệp đánh giá tốt dịch vụ do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp về giáo dục phổ thông, trong khi năm 2011 chỉ có 50,65%.
- Có 67,06% doanh nghiệp đánh giá tốt dịch vụ dạy nghề do các cơ quan nhà nước tại địa phương cung cấp, trong khi năm 2011 chỉ có 32,05%.
- Có 34,55% doanh nghiệp có ý định sẽ sử dụng lại các dịch vụ giới thiệu việc làm, trong khi năm 2011 chỉ có 26,09%.
- Doanh nghiệp cho rằng, "Số lượng học viên tốt nghiệp trường đào tạo nghề trên tổng lực lượng lao động chưa qua đào tạo của tỉnh" chỉ chiếm 2,42%, trong khi năm 2011 chỉ có 0,01%.

Một số chỉ tiêu thành phần **chưa được cải thiện** gồm:

- Chỉ có 37,35% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm, trong khi năm 2011 chỉ có 57,50% → Điều này chứng tỏ dịch vụ giới thiệu việc làm trên địa bàn tỉnh chưa đủ mạnh để hỗ trợ cho doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đã chi: 4,75% tổng chi phí kinh doanh cho đào tạo lao động và 5,96% tổng chi phí kinh doanh cho tuyển dụng lao động, trong khi chỉ tiêu này ở năm 2011 là không có. Điều này chứng tỏ chất lượng lao động chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

2. Chỉ số Tiếp cận đất đai và Sự ổn định trong sử dụng đất, cải thiện nhanh, xếp thứ 05/63 tỉnh, thành, tăng 33 bậc.

Trong đó một số chỉ tiêu thành phần **xếp vị trí cao** gồm:

- Có 91,14% doanh nghiệp có GCNQSD đất, tuy giảm so với năm 2011 là 92% nhưng *Tỉnh tốt nhất có 93,46% doanh nghiệp có GCNQSDĐ*.

- Có 36,45% doanh nghiệp cho rằng, không gặp cản trở về mặt bằng kinh doanh, tăng 10,20% so năm 2011, *tỉnh tốt nhất có 52,88% doanh nghiệp không gặp cản trở về mặt bằng kinh doanh*.

- Chỉ tiêu doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất tương đối thấp chiếm 3,13 điểm tăng 0,63 điểm (1: rất cao đến 5 là rất thấp).

- Mặc dù tỷ lệ diện tích đất trong tỉnh có GCNQSD đất chính thức đã tăng từ 95,41% (năm 2011) lên 95,93% (2012) nhưng vị thứ xếp hạng vẫn giảm 05 bậc, xếp thứ 7/63 (Tỉnh tốt nhất có 97,65% doanh nghiệp có GCNQSDĐ).

- Có 32,10% doanh nghiệp cho rằng, nếu bị thu hồi đất, doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng, tăng 6,39% năm 2011.

- Có 76,19% doanh nghiệp cho rằng, sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường, tăng 9,18% năm 2011.

3. Chỉ số Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin, cải thiện nhanh, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành, tăng 27 bậc.

Một số chỉ tiêu thành phần **được cải thiện rõ nét** gồm:

- Độ mở của trang web của tỉnh tăng 1,5 điểm (16,5 điểm) xếp thứ 7/63 tỉnh, thành.

- Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng cần phải có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh giảm từ 81,43% xuống 46,6% và khả năng luôn luôn dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh là 2,2% giảm 5,91%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp thương lượng với cán bộ thuế là phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh cũng được cải thiện từ 50% năm 2011 còn 37,08% năm 2012.

- Tính minh bạch của các tài liệu, kế hoạch cũng được cải thiện từ 2,29 điểm năm 2011 tăng lên 2,62 điểm trong năm 2012.

Tuy nhiên, còn một số chỉ tiêu thành phần **chưa được cải thiện** gồm:

- Tính minh bạch của các tài liệu pháp lý như quyết định, nghị định... lại giảm từ 3,16 điểm xuống còn 2,96 điểm năm 2012. Vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp trong tư vấn và phản biện các chính sách của tỉnh giảm từ 36,11% xuống còn 21,95% → Do đó, cần tăng cường vai trò của các Hiệp hội doanh nghiệp trong tư vấn và phản biện các chính sách của tỉnh.

4. Chỉ số Chi phí không chính thức, cải thiện nhanh, xếp thứ 19/63 tỉnh, thành, tăng 15 bậc.

Một số chỉ tiêu thành phần **được cải thiện rõ nét** gồm:

- Chỉ có 2,60% doanh nghiệp cho rằng phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức, giảm 2,96%, xếp thứ 04/63.
- 43,94% doanh nghiệp cho rằng phải trả hoa hồng để có được hợp đồng từ các cơ quan nhà nước, giảm 16,77%, xếp hạng 40/63.
- 38,47% doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức cho đăng ký doanh nghiệp, giảm 0,51%, xếp thứ 34/63 tỉnh có tỷ lệ thấp nhất là 0,31%.

Các chỉ tiêu thành phần chưa được cải thiện là:

- Có 56,82% doanh nghiệp cho rằng, các đơn vị cùng ngành trả chi phí không chính thức, tăng 10,67%, xếp thứ 38/63 tỉnh, thành.
- Có 32,97% doanh nghiệp cho rằng, cán bộ những nhiều khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến, tăng 1,46%, xếp thứ 7/63 tỉnh, thành.
- Có 55,56% doanh nghiệp cho rằng phải chi trả chi phí không chính thức để công việc được giải quyết, tăng 13,56%, xếp thứ 40/63.

5. Chỉ số Thiết chế pháp lý tuy số điểm giảm 1,17 điểm nhưng tăng 23 bậc, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành.

Một số chỉ tiêu thành phần được cải thiện rõ nét gồm:

- Tỷ lệ nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số nguyên đơn tại Toà án kinh tế tỉnh lại tăng từ 28,40% lên 32,92%.
- Có 43,93% doanh nghiệp cho rằng, hệ thống tư pháp luôn luôn hoặc thường xuyên cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của các công chức, tăng 18,56%, xếp thứ 02/63 (Tỉnh tốt nhất có 51,75% doanh nghiệp cho rằng, hệ thống tư pháp luôn luôn hoặc thường xuyên cho phép các doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của các công chức).
- Có 8,55% các vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên 100 doanh nghiệp do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý, tăng 4,52% so năm 2011, xếp thứ 5/63.
- Doanh nghiệp chỉ mất 1,97 tháng để giải quyết vụ kiện tại tòa, trong khi năm 2011 thời gian này là 11,01 tháng giảm 9,04 tháng.
- Doanh nghiệp chỉ mất 10% chi phí (chính thức và không chính thức) để giải quyết tranh chấp trong tổng giá trị tranh chấp giảm 6,18% so với năm 2011.

Các chỉ tiêu thành phần kém nhất gồm:

- Chỉ có 33,33% Doanh nghiệp sử dụng tòa án hoặc các thiết chế pháp lý khác để giải quyết tranh chấp, giảm 11,11% so với năm 2011, xếp 13/63 tỉnh, thành.
- Và chỉ có 69,16% doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật (bản quyền hoặc thực thi hợp đồng), giảm 9,1% xếp 18/63 tỉnh, thành (Tỉnh tốt nhất có 79,65% doanh nghiệp tin tưởng vào khả năng bảo vệ của pháp luật).

III. NHỮNG ĐIỂM HẠN CHẾ CỦA CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN:

1. Chỉ số Chi phí gia nhập thị trường, xếp vị trí 24/63 tỉnh, thành, giảm 17 bậc so với năm 2011 (03 tỉnh tốt nhất cả nước là: Bình Định, Long An và Điện Biên).

Trong đó một số chỉ tiêu thành phần **xếp hạng thấp** là:

- Thời gian doanh nghiệp đợi để hoàn thành đăng ký kinh doanh là 15 ngày, tăng 8 ngày so với 2011, có 06 tỉnh được xếp áp cuối bảng xếp thứ hạng gồm: Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Yên, Bình Dương, Tiền Giang và An Giang.

- Thời gian doanh nghiệp hoàn thành đăng ký kinh doanh bổ sung là 07 ngày, bằng với năm 2011, xếp thứ tự đồng hạng 11/63 từ dưới đếm lên (*Kiên Giang có thời gian trung vị ngắn nhất là 3 ngày*).

- 4,17% doanh nghiệp cần thêm giấy phép kinh doanh khác, giảm 3,33% so với năm 2011, xếp thứ 61/63 tỉnh, thành.

- Thời gian chờ đợi trung vị để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của doanh nghiệp là 20 ngày, giảm 10 ngày so với năm 2011, xếp đồng hạng thứ 8/63 tỉnh, thành cùng với Long An (*Tiền Giang, Trà Vinh, Lâm Đồng có thời gian trung vị ngắn nhất là 15 ngày*).

- Có 12,12% doanh nghiệp cho rằng, phải chờ hơn 01 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục và bắt đầu hoạt động và 3,03% doanh nghiệp cho rằng, phải chờ hơn 03 tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục và bắt đầu hoạt động, 02 chỉ tiêu này đều tăng so với năm 2011.

2. Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh giảm 4 bậc, xếp thứ 10/63 tỉnh, hành.

- Có 64,29% doanh nghiệp cho rằng, Lãnh đạo tỉnh sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp, giảm 1,46%, xếp thứ 6/63.

- 72,73% doanh nghiệp cho rằng cán bộ tỉnh nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, giảm 0,60%, xếp thứ 18/63 tỉnh, thành.

- 54,37% cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân, giảm 6,67%, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành.

3. Chỉ số Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước giảm 02 bậc, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 7,41% doanh nghiệp sử dụng hơn 10% quỹ thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước, giảm 0,81% so với năm 2011, xếp thứ 8/63 tỉnh, thành.

- Số giờ trung vị thanh tra thuế làm việc với doanh nghiệp tăng từ 02 giờ năm 2011 lên 03 giờ năm 2012; Số cuộc thanh tra trung vị cũng tăng từ 01 cuộc năm 2011 lên 02 cuộc năm 2012.

- Chỉ có 10,28% doanh nghiệp cho rằng không có bất kỳ sự thay đổi nào sau khi thực hiện CCHC, giảm 7,22% và chỉ có 42,99% doanh nghiệp cho rằng cán bộ nhà nước làm việc hiệu quả hơn sau khi thực hiện Cải cách hành chính công, trong khi đó năm 2011 là 43,75%.

Sở Nội vụ cần rà soát lại cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan một cửa liên thông và tăng cường thanh tra công vụ, cũng như tăng cường tập huấn, đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

- Có 25,57% doanh nghiệp cho rằng các loại phí, lệ phí của nhiều thủ tục giảm sau khi thực hiện CCHC, xếp thứ 04/63 tỉnh thành.

- Có 41,12% doanh nghiệp cho rằng các thủ tục giấy tờ giảm sau khi thực hiện cải cách thủ tục hành chính, trong khi năm 2011 là 56,25% và số lần đi xin dấu và xin chữ ký của doanh nghiệp giảm sau khi thực hiện cải cách thủ tục hành chính là 33,64% tăng 9,89%.

Và duy nhất chỉ số một chỉ số thành phần tuy giảm 0,23 điểm nhưng thứ bậc lại tăng 01 bậc so với năm 2011 đó là **chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp**, xếp thứ 5/63 tỉnh, thành và xếp thứ 01/13 tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Mặc dù chỉ số này bị giảm nhẹ điểm, song một số chỉ tiêu thành phần vẫn có cải thiện gồm:

- Chỉ tiêu số lượng hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm tăng từ 13 lần lên 20 lần trong năm 2012, cả nước chỉ có 11 tỉnh thành tổ chức 20 lượt hội chợ thương mại trong năm.

- 50% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, tăng 25,68% so với năm 2011, xếp thứ 03/63 tỉnh, thành.

- 51,61% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, tăng 5,18% so với năm 2011, xếp thứ 17/63 tỉnh, thành.

- 46,88% doanh nghiệp đã sử dụng các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật, tăng 32,59% so với năm 2011, xếp thứ 02/63 tỉnh thành.

- 39,76% doanh nghiệp đã sử dụng các dịch vụ liên quan đến công nghệ, tăng 3,25%, xếp thứ 15/63 tỉnh, thành.

- 39,39% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ, tăng 13,3%, xếp thứ 20/63 tỉnh, thành.

- 44,12% doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại, tăng 36,71% so với năm 2011, xếp thứ 06/63 tỉnh, thành.

Mặc khác, một số chỉ tiêu thành phần vẫn chưa được cải thiện:

- Chỉ có 36,78% doanh nghiệp đã sử dụng các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật, giảm 17,91% so với năm 2011, xếp thứ 34/63 tỉnh thành.

- Chỉ có 22,12% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, giảm 23,88% so với năm 2011, xếp thứ 33/63 tỉnh thành.

- Chỉ tiêu số nhà cung cấp dịch vụ công là tư nhân trong tỉnh cũng giảm từ 32 xuống 30 nhà cung cấp, xếp 8/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 7,48% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại, giảm 1,27% so với năm 2011, xếp thứ 49/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 39,53% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh, giảm 15,69% so với năm 2011, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 37,35% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, giảm 5,73% so với năm 2011, xếp thứ 19/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 20,20% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tư vấn về thông tin pháp luật, giảm 7,25% so với năm 2011, xếp thứ 30/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 17,48% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, giảm 8,1% so với năm 2011, xếp thứ 27/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 40,48% doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại, giảm 1,06% so với năm 2011, xếp thứ 10/63 tỉnh, thành.

- Chỉ có 9,52% doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ, giảm 20,48%, xếp thứ 34/63 tỉnh, thành.

Nhìn chung Doanh nghiệp đều có sử dụng dịch vụ tư nhân phục vụ cho hoạt động của Doanh nghiệp năm 2012 đều tăng so với năm 2011. Tuy nhiên, ý định sử dụng lại dịch vụ này thì ngày càng giảm, điều này chứng tỏ dịch vụ khu vực tư nhân ngày càng kém chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu cho doanh nghiệp trong tìm kiếm thông tin thị trường, đối tác kinh doanh, cũng như trong xúc tiến thương mại.

Tóm lại, mặc dù đã có nhiều chỉ số thành phần giảm điểm, giảm thứ hạng, song năm 2012, vị trí xếp hạng PCI của tỉnh An Giang lại tăng cao, tăng 17 bậc so với 63 tỉnh, thành phố, đứng thứ 2 khu vực đồng bằng sông Cửu Long và đứng thứ nhất trong vùng kinh tế trọng điểm; trong đó có đến 03 chỉ số tụt dốc là chi phí gia nhập thị trường, chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước, tính năng động tiên phong của lãnh đạo tỉnh. Điều này đòi hỏi các ngành, các cấp phải có những nỗ lực nhiều hơn nữa để tạo sự chuyển biến về chất trong công cuộc cải cách hành chính của địa phương.

B. KẾ HOẠCH NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG PCI TỈNH AN GIANG NĂM 2013:

I. MỤC TIÊU:

Tiếp tục cải thiện chỉ số xếp hạng năng lực cạnh tranh của tỉnh thông qua việc duy trì những chỉ số thành phần có vị trí cao, tăng bậc và cải thiện các chỉ số thành phần có vị trí xếp hạng thấp, giảm điểm trong bảng xếp hạng PCI nhằm thực hiện mục tiêu **"tỉnh An Giang nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành tốt"** nhằm đạt mục tiêu **từ nay đến năm 2015 định hướng đến năm 2020, phấn đấu giữ tỉnh An Giang là một trong 10 tỉnh đứng đầu cả nước, và trong 05 tỉnh đứng đầu Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời cải thiện dân điểm số, hướng tới 65 và cao hơn nữa.**

II. NHIỆM VỤ:

1. Giảm chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp:

a) *Giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp:*

- Các ngành chức năng, trong đó Phòng kiểm soát thủ tục hành chính - Sở Tư pháp là đơn vị chủ trì tiếp tục rà soát, đề nghị bãi bỏ các văn bản quy định còn chồng chéo, không còn phù hợp, gây phiền hà cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện đầu tư, kinh doanh được thuận lợi. Trách nhiệm quản lý nhà nước, giải quyết công việc của ngành nào, cấp nào thì ngành đó, cấp đó phải chịu trách nhiệm trước lãnh đạo tỉnh, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, nhằm ngăn ngừa, đẩy lùi những hiện tượng gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp. Việc tổ chức kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp phải có sự phối hợp tránh trùng lặp nhiều cuộc thanh tra đối với cùng một doanh nghiệp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan triển khai và hoàn thành tốt Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh An Giang năm 2013 theo Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn các Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về việc:

+ Hướng dẫn sử dụng đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử.

+ Hướng dẫn sử dụng hệ thống bố cáo điện tử trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

+ Hướng dẫn sử dụng dịch vụ thông tin đăng ký doanh nghiệp trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

+ Thực hiện đăng ký kinh doanh qua mạng, mẫu biểu tất cả các loại giấy tờ đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư. Đề nghị cho phép thông tin trên báo đài tỉnh địa chỉ đăng ký kinh doanh qua mạng.

+ Rà soát các điều kiện sau đăng ký kinh doanh không đúng quy định trình UBND tỉnh bãi bỏ hoặc kiến nghị bãi bỏ.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục rà soát Quy chế phối hợp liên ngành trong giải quyết thủ tục đăng ký doanh nghiệp và khắc con dấu đối với doanh nghiệp thành lập trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường cải cách công tác định giá thu tiền sử dụng đất, định giá đất thuê theo hướng thực hiện song song với quá trình đo đạc, thẩm định hồ sơ đất đai để rút ngắn thời gian.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang phối hợp chặt chẽ với các Sở, Ban ngành, chính quyền địa phương các cấp trong việc xử lý, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án và các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư tại Khu kinh tế, nhất là giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định đối với doanh nghiệp.

- Cục Thuế tỉnh An Giang tiếp tục kiểm soát để kiến nghị điều chỉnh, đơn giản hóa một số thủ tục vẫn còn rườm rà, không thật sự cần thiết, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện nghĩa vụ thuế; xử lý kịp thời các thông tin phản hồi về việc giải quyết các thủ tục hành chính của cán bộ thuế, cơ quan thuế.

b) Giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai: Cải thiện hơn nữa thời gian cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho doanh nghiệp:

- Sở Tài Nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát quy định về đơn giản hóa các thủ tục hành chính trong quản lý quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang theo Quyết định số 45/2011/QĐ-UBND ngày 30/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Tài Nguyên và Môi trường tiếp tục rà soát tham mưu UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giao đất, cho thuê đất trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Sở Tài Nguyên và Môi trường xây dựng trình UBND tỉnh ban hành cơ chế tạo, quản lý và khai thác quỹ đất để hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tiếp cận đất đai, nhất là tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc tìm kiếm mặt bằng xây dựng các cơ sở sản xuất, kinh doanh để phát triển nông thôn.

- Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh An Giang chủ trì rà soát quy trình, thủ tục hành chính cấp giấy CNQSDĐ trên địa bàn Khu kinh tế nhằm tiếp tục đơn giản hóa TTHC, rút ngắn thời gian chờ đợi cho các doanh nghiệp.

2. Nâng cao tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh:

- Triển khai các giải pháp thực thực hiện Nghị quyết 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ Về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu.

- Định kỳ hàng năm tổ chức họp doanh nghiệp theo địa bàn cấp huyện để trao đổi, thảo luận, đối thoại với doanh nghiệp nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh. Qua đó nâng cao sự cảm nhận của cộng đồng doanh nghiệp về tính sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp, về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân.

- Thủ trưởng các cơ quan, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động tham mưu, đề xuất giải pháp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến ngành, địa phương mình, chú trọng các giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư.

- Giao UBND huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào thực trạng tại địa phương tiến hành xây dựng mục tiêu, kế hoạch nâng cao chỉ số PCI trong giai đoạn từ nay đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Sau đó tổ chức Hội nghị triển khai cho chính quyền, đoàn thể, xã, thị trấn trực thuộc trong thời gian tới (phải tổ chức Hội nghị chậm nhất là 01 tháng sau khi

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch). Chú ý làm rõ trách nhiệm cụ thể, trọng tâm của huyện, thị mình đối với việc góp phần nâng cao chỉ số PCI.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị và địa phương có liên quan tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh An Giang về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 09-12-2011 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ Doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Sở Tài chính phối hợp các Sở, Ban ngành vận hành Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh theo cơ chế chính sách của Trung ương, theo Đề án, Quy chế được tỉnh phê duyệt nhằm tạo ra thêm một kênh huy động vốn cho doanh nhân để thực đầu tư mở rộng, đầu tư mới trên cơ sở hình thành các doanh nghiệp mới hoặc chuyển đổi loại hình Hộ kinh doanh sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Đến năm 2015, phải đảm bảo Quỹ Đầu tư phát triển của tỉnh vận hành theo cơ chế độc lập, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quá trình hoạt động.

3. Giảm chi phí về thời gian để thực hiện các quy định của Nhà nước

- Sở Nội vụ thực hiện thanh tra công vụ, áp dụng mạnh mẽ cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, có rà soát để đánh giá và thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Các Sở, ban ngành chủ động kiểm tra, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc của cán bộ công nhân viên chức để giải quyết công việc kịp thời, có hiệu quả cao.

- Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị trực tiếp chỉ đạo sâu sát, quyết liệt công tác rà soát, sửa đổi, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tốt cơ chế "Một cửa liên thông"; đồng thời kiến nghị đề xuất bãi bỏ, bổ sung, sửa đổi những quy định không phù hợp, chông chéo gây phiền hà khi giải quyết các công việc của nhà đầu tư và doanh nghiệp nhất là các thủ tục liên quan đến đất đai, cấp phép xây dựng, cấp giấy chứng nhận đầu tư.

- Cục Thuế tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ nhằm ngăn ngừa, phát hiện, chấn chỉnh kịp thời và xử lý các trường hợp vi phạm quy định của ngành, các hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà doanh nghiệp. Phối hợp thanh tra chuyên ngành tránh trùng lặp, chông chéo đối tượng thanh tra nhất là doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo, đánh giá đúng tình hình, làm rõ khó khăn, vướng mắc có biện pháp tháo gỡ nhằm duy trì và thúc đẩy phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tổ chức diễn đàn trao đổi thường xuyên giữa chính quyền với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

4. Thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp:

- Tăng cường các hoạt động dịch vụ về tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, tăng cường dịch vụ cung cấp thông tin kinh doanh, thông tin pháp lý cho doanh nghiệp thông qua việc hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích hình thành các doanh nghiệp dân doanh thực hiện các dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn thông tin kinh doanh, xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác kinh doanh,...

- Hàng năm tỉnh có thể ban hành mẫu câu hỏi và tổ chức lấy ý kiến của doanh nghiệp về một số hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các đơn vị quản lý nhà nước.

- Khảo sát nhu cầu và tổ chức các khóa đào tạo cho doanh nghiệp nhằm tăng cường năng lực tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh và mở rộng thị trường.
- Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư triển khai Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm trong đó duy trì hội chợ thường niên cấp tỉnh, nâng cao chất lượng hội chợ cấp huyện; tập trung xúc tiến tìm kiếm các đối tác các nhà đầu tư, tập đoàn thông qua hoạt động xúc tiến đoàn ra, mời gọi đoàn vào và tiếp cận trực tiếp.
- Sở Công thương phối hợp với Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư tổ chức xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin và tìm kiếm thị trường; Hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng mạng lưới kinh doanh và đẩy mạnh xuất khẩu.
- Sở Khoa học và Công nghệ triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tỉnh An Giang giai đoạn 2011 - 2015 (theo quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 của UBND tỉnh), Chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh An Giang giai đoạn 2011-2015 (theo quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31/3/2011 của UBND tỉnh) và Dự án Nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh An Giang từ nay đến năm 2015 (theo quyết định số 783/QĐ-UBND ngày 21/5/2012 của UBND tỉnh). Đồng thời, triển khai các dịch vụ khoa học và công nghệ, đặc biệt lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thực hiện cơ chế, chính sách về phát triển các khu, trung tâm, trại thực nghiệm về nông nghiệp công nghệ cao. Tăng cường liên kết, hợp tác đầu tư giữa các doanh nhân, doanh nghiệp với công nhân, nông dân và các nhà khoa học.
- Sở Nội vụ nghiên cứu thực hiện các giải pháp nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động của các hiệp hội doanh nghiệp; tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý hội, tuyên truyền phổ biến pháp luật về hội.
- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh nâng cao chất lượng hoạt động, làm tốt vai trò của tổ chức xã hội nghề nghiệp, là tổ chức đại diện, tư vấn, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp trên địa bàn cũng như giúp doanh nghiệp tiếp cận các chính sách và dịch vụ để phát triển sản xuất kinh doanh.
- Hiệp hội Doanh nghiệp và Đảng ủy Khối Doanh nghiệp định kỳ hàng quý có văn bản phản ánh những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để UBND tỉnh kịp thời nắm bắt, giải quyết. Trường hợp cần thiết, UBND tỉnh hoặc Hiệp hội Doanh nghiệp có thể tổ chức Hội nghị đột xuất để đối thoại trực tiếp nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp. Giao Hiệp hội Doanh nghiệp chủ trì, phối hợp Đảng ủy Khối Doanh nghiệp, Sở Công thương chuẩn bị cuộc gặp gỡ tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp, dự kiến vào 01 ngày cuối tháng 06/2013.
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện rà soát các khoản nợ cho các doanh nghiệp, gia hạn nợ, điều chỉnh thời hạn trả nợ phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp được tiếp cận những nguồn vốn vay để phục vụ sản xuất kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

5. Tiếp tục cải thiện thiết chế pháp lý:

- Do chỉ số thiết chế pháp lý được đánh giá chủ yếu dựa vào vào hệ thống cơ quan tư pháp tại địa phương. Vì vậy, Tỉnh ủy cần có chỉ đạo các cơ quan tư pháp của tỉnh có giải pháp nâng cao năng lực hoạt động của ngành tư pháp, nhất là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để doanh nghiệp tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật, qua đó doanh nghiệp tăng cường lựa chọn tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế.

- Thanh tra Tỉnh nghiên cứu, đề xuất UBND sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai; quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tư pháp xây dựng triển khai Chương trình hỗ trợ pháp lý cho Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2013-2020; Đồng thời, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tìm giải pháp nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống ngành tư pháp, nhất là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để doanh nghiệp tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật, qua đó doanh nghiệp tăng cường lựa chọn tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp về kinh tế.

- Đoàn Luật sư tỉnh, Hội Luật gia tỉnh tăng cường vai trò tư vấn pháp luật, hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các doanh nghiệp trên địa bàn cũng như giúp doanh nghiệp tiếp cận các chính sách và dịch vụ để phát triển sản xuất kinh doanh.

- Các cấp, các ngành và địa phương liên quan tiếp tục rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành /điều chỉnh các quy chế, quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo tiêu chí quản lý chất lượng ISO trong quản lý Nhà nước, đảm bảo tính công khai, minh bạch.

- Nâng cao hơn nữa chất lượng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND. Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của cán bộ, công chức liên quan đến pháp luật.

- Có cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận và trả lời cho doanh nghiệp.

6. Giảm chi phí không chính thức:

- Các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện, thị, thành phố vận dụng hiệu quả vào thực tế tại đơn vị quyết định số 42/2012/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế tiếp nhận hồ sơ qua cổng thông tin điện tử; tiếp nhận hồ sơ hoặc trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng dịch vụ bưu chính trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Chuẩn hóa đội ngũ CB-CC về trình độ, nghiệp vụ chuyên môn, nhận thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu công việc trong hướng dẫn, xử lý hồ sơ cho người dân.

- Có cơ chế kiểm tra, giám sát các bộ phận liên quan đến việc giải quyết các thủ tục cho người dân và doanh nghiệp và có các quy định thưởng, phạt công khai, nghiêm khắc đối với những trường hợp lợi dụng vị trí làm việc gây khó khăn cho nhân dân và doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát (chú trọng giám sát cộng đồng) đối với các lĩnh vực phân cấp cho địa phương như: đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường, điều kiện sau đăng ký kinh doanh...

- Tổ Kiểm tra công vụ tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để phát hiện, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm, gây những phiền hà của cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ giải quyết các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức. Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất hướng xử lý đối với các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức cho Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo xử lý.

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng.

- Phòng kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng UBND tỉnh chủ trì xây dựng kế hoạch đối thoại trực tiếp và giải quyết những vấn đề vướng mắc của cá nhân, tổ chức về vấn đề thủ tục hành chính.

- Xử lý nghiêm những cá nhân, cơ quan, đơn vị và địa phương tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, thẩm quyền. Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ

sợ, gây phiền hà, những nhiễu, có thái độ cửa quyền, hống hách đối với nhân dân và doanh nghiệp.

7. Nâng cao tính minh bạch và tiếp cận thông tin:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp công khai và thường xuyên các thông tin liên quan đến quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách ưu đãi của tỉnh,... trên trang thông tin điện tử của đơn vị. Kiểm tra, theo dõi việc tổ chức công bố công khai các quy hoạch được phê duyệt theo quy định.

- Các Sở: Tài Nguyên & Môi trường, Xây dựng và UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục tổ chức tốt việc công bố, công khai các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai.

- Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh lộ trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến giai đoạn 2013-2015 định hướng 2020 và Kế hoạch về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2013-2015, để hướng tới việc đăng ký, kê khai thủ tục hành chính qua mạng, từng bước hoàn thiện thực hiện chính phủ điện tử.

- Mở rộng độ mở của Hệ thống thư điện tử Ủy ban nhân dân tỉnh đến tất cả các cán bộ, công chức làm công tác tại bộ phận một cửa nhằm hạn chế việc sử dụng văn bản giấy, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, như: tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính qua mạng Internet (dịch vụ công trực tuyến); phần mềm đánh giá chấm điểm cán bộ, công chức; phần mềm một cửa;...

- Cục Thuế tỉnh An Giang tuyên truyền, vận động đi đôi với hỗ trợ các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị để "đồng hành" cùng ngành thuế thực hiện có hiệu quả các dịch vụ tiện ích do ngành thuế cung cấp nhằm góp phần giảm chi phí thời gian thực hiện các quy định của Nhà nước như áp dụng: khai thuế điện tử, nộp thuế qua mạng, hỏi đáp trực tuyến ...

- Sở Thông tin Truyền thông chủ trì, tiếp tục cải thiện chất lượng cung cấp thông tin dành cho doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh về các thông tin liên quan đến cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, các quy hoạch, kế hoạch của tỉnh, các quy định liên quan đến các nhà đầu tư, các doanh nghiệp...

- Thực hiện công khai minh bạch, hướng dẫn rõ ràng và thường xuyên cập nhật thông tin, tập trung trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, đất đai, cấp giấy phép đầu tư, thành lập doanh nghiệp, kê khai và nộp thuế, phí và lệ phí, hải quan. Công bố, công khai minh bạch bằng nhiều hình thức (trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, trên trang thông tin điện tử của cơ quan ban hành văn bản có quy định về thủ tục hành chính và cơ quan thực hiện thủ tục hành chính, niêm yết trực tiếp tại trụ sở cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính ...) về quy trình thủ tục, thành phần hồ sơ, các loại biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết để hoàn thiện mẫu thủ tục hành chính, quy định thời gian giải quyết, các mức phí, lệ phí theo quy định để người dân và doanh nghiệp dễ hiểu và dễ thực hiện.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt cơ chế đối thoại, tham vấn ý kiến của doanh nghiệp, doanh nhân trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

8. Cải thiện việc tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất:

- Công bố công khai quy hoạch sử dụng đất tại các địa phương để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, đồng thời làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Thực hiện việc xây dựng giá đất trên địa bàn tỉnh đảm bảo sát với giá thị trường để đẩy nhanh tiến độ đền bù giải phóng mặt bằng và tránh thất thu cho Ngân sách nhà nước cũng như để bù thỏa đáng cho doanh nghiệp khi bị thu hồi đất.

- Tăng cường vai trò các Trung tâm Phát triển Quỹ đất cấp huyện, thị xã, thành phố và cấp tỉnh nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho doanh nghiệp triển khai thực hiện dự án cũng như tạo nhiều quỹ đất sạch có sẵn để nhà đầu tư dễ dàng tiếp cận. Tăng cường cơ sở vật chất, dữ liệu cho Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh để trở thành đầu mối hỗ trợ các doanh nghiệp trong tiếp cận đất đai.

9. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nguồn lao động:

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì:

+ Rà soát, đánh giá đạt chuẩn đối với các trường cao đẳng nghề, trung cấp nghề và các trung tâm dạy nghề cấp huyện, các cơ sở mới thành lập, có giải pháp xử lý các cơ sở dạy nghề yếu kém, không đạt chuẩn và có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Đồng thời, thực hiện chương trình đào tạo, dạy nghề theo hướng hiệu quả và gắn kết giữa cung và cầu, đáp ứng yêu cầu cho doanh nghiệp.

+ Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả Dự án đổi mới và phát triển dạy nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm giai đoạn 2011 - 2015; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của sàn giao dịch việc làm và các trung tâm giới thiệu việc làm.

+ Xây dựng Đề án đào tạo đội ngũ doanh nhân, nguồn nhân lực của các loại hình: Doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế hộ giai đoạn 2013 - 2020, trong đó, tăng cường mối quan hệ liên kết giữa nhà trường, viện nghiên cứu và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ doanh nhân; chương trình đào tạo về khởi sự doanh nghiệp cho các sinh viên của tỉnh đang theo học các ngành kinh tế, pháp luật, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến và bảo quản nông, lâm, thủy sản,...; kiến thức về kinh doanh, pháp luật, hội nhập kinh tế quốc tế, văn hóa kinh doanh, trách nhiệm xã hội...

- Sở Công thương chủ trì, phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai các biện pháp thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Căn cứ vào Kế hoạch này và các nhiệm vụ được giao theo chức năng của mình, từng sở, ban, ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động nhằm cải thiện môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực, địa bàn quản lý, xác định rõ từng mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện cụ thể và phân công người chịu trách nhiệm từng phần việc.

Trước ngày 20 của tháng cuối quý, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá kết quả thực hiện Đề án của tỉnh và Kế hoạch hành động của ngành mình, cấp mình, báo cáo UBND tỉnh.

Giao Văn phòng UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện các nhiệm vụ năm 2013 đã được phân công cho các sở, ban, ngành, báo cáo UBND tỉnh./.